

Thích Như Điển
dịch

**ĐẠI THỪA TẬP
BỒ TÁT
HỌC LUẬN**

Lời Tựa

Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh (Taisho Shinshū Daijōkyo) là một bộ Đại Tạng Kinh bằng chữ Hán, được ấn hành ở Nhật và ở Đài Loan gồm 100 tập. Mỗi tập có độ dày khác nhau từ 500 trang đến hơn 1000 trang khổ giấy A4. Đây là một bộ Đại Tạng đã được nhiều học giả và các nhà nghiên cứu về Phật Học chọn làm bộ Đại Tạng tiêu biểu so với những bộ khác như: Càn Long Đại Tạng hay Đại Tạng thời nhà Minh v.v... Ngày nay Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đã được dịch ra nhiều ngôn ngữ như Anh, Pháp, Đức và trong đó có cả tiếng Việt. Đây là một duyên lành cho những ai sau này không rành chữ Hán, chữ Nhật, có thể tra cứu thẳng bằng tiếng Việt và những ngoại ngữ khác.

Chư Tôn Hòa Thượng Việt Nam chúng ta trong quá khứ và ngay cả hiện tại đa phần các Ngài chọn những bộ kinh thông dụng như: Pháp Hoa, Đại Bát Niết Bàn, Bảo Tích v.v... để dịch. Vì lẽ có nhiều người trì tụng. Một số quý Ngài khác dịch Luật. Riêng cá nhân chúng tôi chọn những bộ Luận để dịch., vì thấy việc này ít có người làm. Chúng tôi đã chọn quyển thứ 32 của Đại Chánh Tân Tu thuộc Luận Tập Bộ Toàn để dịch. Quyển này dày 790 trang. Mỗi trang như thế nếu dịch và đánh máy sang tiếng Việt thành 6 trang khổ A5. Như vậy nếu 790 trang ấy nhân lên 6 lần tức có khoảng 4.740 trang. Đó chỉ là một tập. Mỗi ngày tôi dịch được từ 2 đến 5 trang. Như vậy để xong tập này phải cần thời gian ít nhất là hơn 200 ngày. Đó là chưa kể đến những ngày trái gió trở trời và những đoạn khó phải tra cứu nhiều. Như vậy trung bình dịch suốt năm chỉ được một tập.

Được duyên may là mỗi năm chúng tôi có ba tháng an cư kiết hạ tại Đức và cũng mỗi năm ba tháng tôi nhập thất tại Tu Viện Đa Bảo Úc Đại Lợi để phiên dịch và tịnh tu. Như vậy, trên thực tế mỗi năm tôi chỉ có được sáu tháng như thế.

Sau khi dịch xong “Nhơn Minh Chánh Lý Môn Luận”. Bồn của ngài Đại Vực Long Thọ Bồ Tát, do ngài Huyền Trang dịch sang chữ Hán và “Nhơn Minh Chánh Lý Môn Luận” cũng của ngài Đại Vực Long Thọ Bồ Tát nhưng do ngài Nghĩa Tịnh đời Đường dịch sang Hán văn,

chúng tôi cố gắng dịch thật kỹ ra Việt văn, nhưng dịch xong rồi đọc lại chẳng hiểu gì cả. Lại tiếp tục dịch “Nhơn Minh Chánh Lý Luận” của ngài Thương Yết La Chủ Bồ Tát tạo và ngài Huyền Trang dịch ra Hán văn, chúng tôi cố gắng chuyển ngữ sang tiếng Việt nhưng cũng chẳng hiểu nghĩa rõ. Không lẽ tiếng Việt mình yếu, chữ Hán không thông. Tự hỏi như thế! Nhưng chắc không phải vậy, vì chữ ít mà nghĩa nhiều, nên dịch ra tiếng Việt hơi tối nghĩa, nên chúng tôi phải đọc thêm sách giải thích về Nhân Minh của ngài Thiện Hoa và ngài Thiện Siêu thì rõ thêm phần nào, nhưng ba luận trên đã dịch xong mà chưa cho xuất bản, vì nghĩa , ý, từ còn nhiều chỗ uẩn khúc lắm.

Trong quyển 32 này có: Phương Tiện Tâm Luận, Như Thật Luận, Nhập Đại Thừa Luận, Đại Thừa Bảo Yếu Nghĩa Luận, Tập Đại Thừa Tướng Luận, Bồ Đề Tư Lương Luận, Phát Bồ Đề Tâm Kinh Luận, Bồ Đề Tâm Ly Tướng Luận, Bồ Đề Hành Kinh, Bồ Đề Tâm Quán Thích , Quảng Thích Bồ Đề Tâm Luận, Kim Cang Đánh Du Già Trung Phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề Tâm Luận..., là những bộ luận chúng tôi đã dịch xong và mỗi năm chúng tôi cũng đã cho in một tập để hướng dẫn cho Tăng Ni và quý Phật Tử tu học trong khóa giáo lý Âu Châu, để có tài liệu học hỏi và tham khảo.

Năm nay nhân kỳ nhập thất tại Tu Viện Đa Bảo Úc Đại Lợi lần thứ hai, tôi chọn dịch quyển “Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận” gồm 25 quyển từ trang 75 đến trang 145. chỉ trong 70 trang thôi mà chúng tôi đã dịch thành 230 trang đánh máy khổ A4. Nếu in thành A5 sẽ lên đến 400 trang. Luận này do Ngài Pháp Xứng Bồ Tát tạo. Ngài Pháp Xứng, tiếng Phạn là Santideva và tiếng Hoa dịch là Tịch Thiên. Còn tiêu đề Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận tiếng Phạn gọi là Siksasamuccaya. Có nơi dịch là “Giáo Tập Yếu” nhưng chúng tôi dịch nguyên văn như bản Hán văn bên trên để dễ tra cứu.

Tương truyền Ngài Santideva có soạn ba quyển sách quan trọng. Đó là Siksasamuccaya (Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận) và quyển Bodhicaryavatara (Bồ Tát Hạnh) và quyển Sutrasamuccaya (Kinh Tập Yếu). Quyển Bồ Tát hạnh đã được Thầy Thích Trí Siêu đệ tử của Hoà Thượng Thích Huyền Vi ở Pháp căn cứ vào bản tiếng Tây Tạng, tiếng Anh và tiếng Pháp đã dịch sang tiếng Việt vào tháng 7 năm 1990. Còn bản kinh Tập Yếu đã được Hoà Thượng Thích Huyền Vi dịch từ Hán văn sang Việt văn năm 1985 với tựa đề là Yếu Nghĩa Phật Pháp và đặc

biệt còn một tên nữa là luận Đại Thừa Bảo Yếu, Hòa Thượng Thích Bảo Lạc đã dịch. Lần này chúng tôi cho dịch bộ Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận này nữa là đủ 3 quyển . Như vậy quý độc giả và quý Phật Tử có cơ hội để tra cứu bằng tiếng Việt thoải mái, không phải bận tâm về những ngoại ngữ khác nữa.

Tiền đây, cũng xin phép Thầy Trí Siêu là chúng tôi đã trích Tiểu Sử của Ngài Santideva do Thầy soạn dịch rất công phu và đã đăng trong quyển Bồ Tát Hạnh xuất bản năm 1990 tại Pháp, để đăng vào trong quyển Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận này, mà tác giả là Ngài Santideva. Xin đa tạ Thầy trước.

Ví dụ trong tập thứ 32 này có “Thành Thật Luận” đã có vị dịch sang tiếng Việt rồi, chúng tôi không phải dịch lại nữa. Chúng tôi sẽ cố gắng dịch những luận nào mà lâu nay chưa có bản tiếng Việt mới dịch , để quý Phật Tử tham khảo và dĩ nhiên phải cố gắng để dịch cho xong bộ luận trong thời gian giới hạn của tuổi đời.

Từ quyển 1 cho đến quyển thứ 12 của Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận này do tôi đọc và dịch từ bản chữ Hán sang tiếng Việt và chú Thiện Tánh đánh máy. Từ quyển 13 đến quyển thứ 25 do Thầy Đồng Văn cùng phiên dịch và đánh máy tiếng Việt. Sau khi in ra lần đầu, tôi đã giáo chính lại một lần . Kế tiếp là nhờ Hòa Thượng Thích Bảo Lạc xem và giáo chính lại một lần nữa. Sau đó đem *layout* và trước khi in thành sách sẽ giáo chính lại một lần cuối cùng. Tuy đọc, sửa và chỉnh lời, chỉnh ý nhiều lần như vậy, nhưng chắc chắn còn rất nhiều thiếu sót vì lẽ ngôn ngữ thì vô cùng mà ý kinh, luận thì vô tận. Khi đọc kính mong quý Ngài và quý vị góp ý thêm. Xin chân thành đa tạ.

Năm 2003 vừa qua chúng tôi đã dịch tác phẩm “Đại Đường Tây Vực Ký” do Ngài Huyền Trang người Trung Hoa biên soạn và đã được chùa Pháp Bảo tại Úc cho ấn tống vào dịp lễ Phật Thành Đạo năm nay 2004 là 1000 cuốn . Đồng thời , chùa Phật Bảo ở Illinois và quý Phật tử tại Hoa Kỳ ấn tống nhân mùa Vu Lan Báo Hiếu năm này (2004) 4000 cuốn. Kế tiếp là ở Đức chúng tôi đã cho ấn tống 1000 cuốn nữa. Đặc biệt ở Việt Nam cũng đã được in ra bằng cách sao chép trên bản lụa, thành nhiều ngàn bản. Như thế nhiều người sẽ được lợi lạc khi tham khảo dịch phẩm ấy.

Năm nay (2004) nhân kỳ nhập thất lần thứ 2 ở đây, chúng tôi dịch tác phẩm này của Ngài Santideva, người Ấn Độ và có nhân duyên hồng

hoá Phật Pháp nơi Tây Tạng và Phật Tử cũng như chư Tăng Tây Tạng rất có duyên với Ngài. Hy vọng cũng sẽ được các nơi kêu gọi ấn tống như thế trong năm tới, quả là tốt đẹp biết bao và sẽ lợi lạc cho nhiều người.

Cuối cùng xin được cảm ơn Hoà Thượng Thích Bảo Lạc, Viện chủ chùa Pháp Bảo, Thầy Phổ Huân, Cô Giác Trí, Cô Giác Thủy, Cô Giác Duyên, Cô Giác Anh và tất cả quý Phật tử chùa Pháp Bảo hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp đã hỗ trợ cho Thầy trò của chúng tôi nhập thất lần thứ hai trên vùng núi đồi của Tu Viện Đa Bảo này được an tâm tu học cũng như thực hiện được một vài công việc có lợi ích cho đời sau trong công việc phiên dịch. Kính xin hồi hướng tất cả phước báo này lên Tam Bảo. Cầu nguyện cho quý vị được thành tựu trí tuệ siêu việt trong cuộc sống của ngày hôm nay và mai hậu.

Nam Mô Thường Hoan Hỷ Bồ Tát Ma Ha Tát

Dịch giả kính nguyện

Thích Như Điển

Tu Viện Đa Bảo, Úc Đại Lợi

Mùa nhập thất lần thứ 2.

Ngày 12 tháng 12 năm 2004

Tiểu Sử Tôn Giả Santideva

Theo truyền thuyết, tôn giả Santideva sinh ở miền Nam Ấn, vùng Sri Nagara vào khoảng thế kỷ thứ 7. Ngài là Thái tử con vua Surastra.

Từ những kiếp quá khứ, Ngài đã cúng dường phụng thờ nhiều đức Phật và đã tích tụ nhiều căn lành đưa đến giải thoát. Nhờ phước đức ấy nên ngay từ lúc ấu thơ, Ngài đã nhiều lần chiêm bao thấy Văn Thù Bồ Tát. Lớn lên, đến tuổi sắp được vua cha truyền ngôi, một hôm Ngài nằm mộng thấy hai vị Bồ Tát: Văn Thù và Tara¹. Bồ Tát Văn Thù ngồi trên ngai vàng, bảo Ngài rằng: “Ở đây không có chỗ cho hai người”, Bồ Tát Tara tưới nước nóng trên đầu Ngài nói rằng: “Vương quyền chính là nước sôi bỏng của địa ngục. Ta đang tấn phong cho người với nước này đây”.

Tỉnh dậy, Ngài hiểu rằng đó là sự khuyến cáo của hai vị Bồ Tát nên đêm hôm trước ngày lên ngôi, Ngài rời bỏ cung thành trốn vào rừng sâu. Sau 21 ngày lang thang trong rừng, vừa khát vừa đói, Ngài gặp được một con suối, sắp sửa định uống thì có một thiếu nữ xuất hiện bảo Ngài đừng uống vì đó là nước độc. Sau đó thiếu nữ dâng cho Ngài một thứ nước thơm như cam lồ. Giải khát xong, Ngài hỏi thiếu nữ: “Cô ở đâu đến?”.

-Thiếu nữ trả lời: “Ở giữa khu rừng mênh mông này là nơi Thầy tôi ở, Ngài rất đạo đức, từ bi và đã thành tựu phép tam muội của Văn Thù Kim Cang Sư Lợi (Sri Manjuvajra). Tôi từ đó đến đây”. Vừa nghe như thế, tôn giả Santideva mừng rỡ như kẻ nghèo bắt được vàng, yêu cầu thiếu nữ dẫn Ngài đến gặp vị Thầy kia. Đến nơi Ngài thấy đó là một hành giả Du Già (Yogi) sống trong một chòi lá. Ngài liền đánh lễ, xưng tán cúng dường và cầu xin được truyền phép tam muội của Văn Thù Bồ Tát.

¹ Tara là hóa thân hình nữ của Quán Thế Âm, trong Phật Giáo Ấn Độ và Tây Tạng được nói đến rất nhiều. Quán Thế Âm, khi nhìn thấy chúng sinh đau khổ, Ngài nhỏ lệ từ bi và giọt lệ này rơi xuống hóa thành Tara.

Sau 12 năm ở đó tu tập, Ngài chứng được phép tam muội trên, thấy được vị Thầy kia chính là Văn Thù và thiếu nữ kia chính là Tara.

Kể từ đó, Ngài luôn luôn được thấy Văn Thù Bồ Tát. Sau đó Ngài đi về phương đông, xin vào làm việc trong triều của vua Pancamasimha. Nhờ tài giỏi và thông minh nên Ngài được vua trọng vọng cho làm Thừa Tướng. Để tỏ lòng thành kính nhớ ơn vị thần linh thủ hộ của mình, tức Văn Thù Bồ Tát, Ngài luôn đeo trên mình một thanh kiếm gỗ.²

Ngài giúp vua trị vì đúng theo Phật pháp và truyền dạy nhiều kỹ nghệ mới lạ. Điều đó khiến các vị đại thần khác ganh tức, tìm cách gièm pha và hãm hại Ngài. Họ bảo vua rằng: “Thừa Tướng là một người gian xảo, luôn đeo trên mình một thanh kiếm mà không bao giờ rút ra cho ai xem cả. Chúng tôi biết thanh kiếm ấy làm bằng gỗ. Gặp lúc nguy biến làm sao Thừa Tướng có thể cứu nguy cho Bệ hạ được? Xin Bệ hạ hãy khám nghiệm lại.” Vua tin lời, cho triệu Thừa Tướng vào bắt phải rút kiếm ra khỏi vỏ cho vua xem. Thừa Tướng nói: “Kiếm của tôi, Bệ hạ không thể nhìn được, nếu không Bệ hạ sẽ hối hận”. Nghe vậy, vua càng nghi ngờ nhất quyết đòi xem. Cuối cùng Thừa Tướng tâu: “Nếu Bệ hạ nhất quyết muốn xem thì hãy theo tôi đến chỗ vắng, lấy tay che mắt phải lại, chỉ nhìn bằng mắt trái thôi”. Vua chấp thuận và Thừa Tướng rút kiếm ra, hào quang lóe lên quá mạnh khiến con mắt trái của Vua rơi xuống đất. Vua liền ăn năn hối hận, biết Ngài là một người đặc đạo, một Đại thành tựu giả³ nên cầu xin sám hối. Biết vua đã ăn năn, Thừa Tướng nhặt mắt trái của vua bỏ vào tròng lại khiến vua khỏi mù.

Sau đó tôn giả từ bỏ chức Thừa Tướng, tìm đến Tu viện Nalanda, xuất gia thọ giới, được đặt tên là Santideva. Sau khi nghe hết 3 tạng kinh điển, tôn giả thâm biên soạn 3 bộ luận: Siksasamuccaya, Sutrasamuccaya và Bodhicaryavatara. Ngài tu mật hạnh, học trực tiếp với Văn Thù Bồ Tát trong thiền định. Tất cả thời ăn, ngủ, đi, đứng, Ngài đều thiền quán về Thanh Quang (Eusset, Clear Light). Tuy vậy chúng tăng bên ngoài thấy Ngài chỉ ăn với ngủ không chịu văn, tư, tu gì cả. Thấy thế, một số Thượng Tọa học giả họp nhau lại định tống khứ Ngài ra khỏi tu viện. Có người cho ý kiến: “Nếu chúng ta họp lại, bắt mỗi người phải tuần tự trùng tuyên lại Kinh Luận, chắc chắn y sẽ phải tự

² Văn Thù Bồ Tát, thường hiện thân, tay phải cầm kiếm trí tuệ, tay trái cầm kinh Bát Nhã.

³ Mahasiddha: Người tu hành đặc đạo có thần thông.

động rút lui, rời bỏ Tu viện vì y chỉ ăn với ngũ dậu có bao giờ tu học gì”. Thế rồi đến phiên tôn giả Santideva phải trùng tuyên lại Kinh Luận, ban đầu Ngài từ chối, nói rằng không biết gì. Chúng tăng muốn làm nhục Ngài nên làm bộ nài nỉ, cuối cùng Ngài nói: “Nếu vậy phải làm cho tôi một toà sư tử⁴ tôi mới trùng tuyên”. Nghe vậy có vài người đâm ra nghi ngờ, nhưng đa số chấp thuận vì tin rằng Ngài không thể trùng tuyên Kinh Luận gì được.

Sau khi lên ngôi toà sư tử. Ngài hỏi:” Các vị muốn tôi tụng lại Kinh Luận đã có từ trước hay những sáng tác mới sau này?”. Vì muốn chế giễu Ngài nên đại chúng nói: “Những sáng tác mới sau này”. Thế là Ngài bắt đầu tụng lên Bồ Tát Hạnh (Bodhisattva-carya-vatara). Khi tụng đến câu: “Khi Có và Không, không còn khởi lên trong tâm...” thì Ngài bay lên hư không rồi từ từ biến mất, nhưng tiếng của Ngài còn vọng lại cho đến câu kệ cuối cùng của Bồ Tát Hạnh. Không thấy Ngài nữa, tăng chúng hồi hận trở về phòng Ngài tìm kiếm, thấy trên bàn để lại 3 quyển : Sutrasamuccaya, Siksacamuccaya và Bodhicaryavatara.⁵

⁴ Simhasana: Tòà ngôi chỉ dành cho những hàng Tỳ Kheo Trưởng Lão Pháp Sư.

⁵ Hai tập Siksasamuccaya (Giáo Tập Yếu) và Bodhicaryavatara (Bồ Tát Hạnh) chắc chắn tác giả là ngài Santideva, riêng tập Sutrasamuccaya, đa số các học giả đều công nhận tác giả là Ngài Long Thọ (Nagarjuna). Tiểu sử này tôi rút tĩa từ hai tài liệu History of Buddhism in India của Taranatha và La Légende de Santideva trong Indo-Iranian Journal Volume Xvi. Trong tạng luận của Tây Tạng có nói đến bộ Mdo.sde.sna.tshogs.kyi.mdo. btus.pa mà học giả Marcelle Lalou đã chuyển sang Sanskrit là Visvasutrasamuccaya, tập này ngày nay đã bị mất tích. Theo học giả J.W. Dejong thì có lẽ hai tập này tương tựa nhau nên các sử gia Tây Tạng và luận gia Ấn Độ cùng cho tác giả cu/a Kinh Tập Yếu (Sutrasamuccaya) là Ngài Santideva. Kinh Tập Yếu đã được Hòa Thượng Linh Sơn thượng Huyền hạ Vi dịch từ Hán văn ra Việt Văn năm 1985 với tựa đề là Yếu Nghĩa Phật Pháp.

ĐẠI THỪA TẬP
BỒ TÁT HỌC LUẬN
(Sikṣasamuccaya)

Quyển thứ nhất
Thứ tự Kinh văn số 1636

- *Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh. Quyển thứ 32 thuộc Luận Tập Bộ Toàn từ trang 75 đến trang 144.*
- *Ngài Pháp Xứng (Santideva- Tịch Thiên) Bồ Tát tạo luận. Tây Thiên dịch kinh.*
- *Tam Tạng Ngân Thanh Quang Lục Đại Phu, Thí Quang Lục khanh Phổ Minh Từ Giác Tuyên Phạm Đại Sư, Sắc Tử Sa Môn Thần Pháp Hộ cùng với những người khác phụng chiếu dịch.*
- *Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trượng Chùa Viên Giác Hannover Đức Quốc dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt tại Tu Viện Đa Bảo Úc Đại Lợi bắt đầu từ ngày 16 tháng 11 năm 2004 nhân kỳ nhập thất lần thứ hai tại đây.*

Tập Bồ Thí Học
(Danaparita Prathamah Paricchrda)
Phẩm Thứ Nhất, phần một

*Con nghe địa ngục quá đau thương
Lửa dữ vây quanh khổ nan lường
Tâm xưa chưa hề được tịch tĩnh
Nay thích nghe nhiều , gần Pháp Vương*

*Nghe rồi, tội ác được lìa xa
Án nãn tội lỗi đã tạo ra
Bao nhiêu phước thiện con chưa nhận
Trong ấy ít nhiều bị xóa nhòa*

*Niềm vui Bồ Tát thật cao vời
Pháp Bình đẳng, chỉ Phật rõ thôi
Pháp báu khó lường, hiếm có ấy
Ai nghe con nói xin vui cười*

*Chủ Thành Tựu , Ba cõi đều đến
Thiên Long Bát Bộ cùng quyến thuộc
Hoặc sanh khát ngưỡng khởi tâm từ
Hoan hỷ nhận ghi lời an lạc*

*Như Lai, Chánh pháp và Phật Tử
Khéo vào cõi Phật mà sanh thân
Nay con chú giải lời Phật dạy
Hân hoan, kính lễ dạ chí thành*

*Xưa nay con chưa chú giải nhiều
Giảng, nói biện tài chẳng bao nhiêu
Cũng chưa lợi lạc cho ai cả
Chỉ chọn tâm mình, làm bạn yêu!!*

*Nhưng lòng luôn vui pháp Như Lai
Nuôi lớn căn lành ngày qua ngày
Tỉ như con thấy trong văn pháp
Nghĩa chưa rõ ráo, xin tỏ bày.*

Luận rằng:

Muốn biết rõ ý nghĩa bậc Đại Sĩ Trượng Phu (Như Lai), chỉ trong khoảng một sát na, mà có đầy đủ những điều khó được, nếu không đặt tư duy vào cảnh giới an lạc, thì Chánh Hạnh Đẳng Giác không sao hiện hữu. Như Kinh Hoa Nghiêm (Gandavyuha-Sutra) có chép:

“Khi Đồng Tử Thiện Tài gặp Bà La Môn Thắng Nhiệt, liền nghĩ rằng: “Được thân người là khó; Thoát hiểm nạn là khó; Khỏi bị nạn là khó; Trong khoảng một sát na mà đầy đủ thanh tịnh là khó; Gặp thời Phật xuất thế là khó; Các căn đầy đủ là khó; Được nghe Phật pháp là khó; Được gặp người lành là khó; Được gặp Thiện Tri Thức chân thật là khó; Thọ trì giáo lý chân chánh như thật nghĩa là khó; Được chánh mệnh là khó”.

Luận rằng:

Nếu ai có **Chánh Hạnh Chánh Biến Tri** và nếu Đại Sĩ (hành giả) nào thường quán chiếu như vậy, với họ, ta nghĩ rằng, đã thoát ra khỏi sự sợ hãi khổ đau, chẳng đăm nhiễm thân này, xem thân này chẳng có gì là thù diệu!! Với loài hữu tình, phải giữ gìn giới hạnh trọn vẹn, mới trừ được tận gốc rễ thống khổ. Ngoài ra, còn phải gieo trồng hạt nhân Bồ Đề, thực hành hạnh Diệu Lạc hy hữu, phát tâm kiên cố, đừng hủy hoại tín căn.

Kinh Bảo Quang Minh Đà La Ni (Ratnolka-Dhalani) có kệ rằng:

*Tin thuận chư Phật và Phật pháp.
Cũng tin Hành đạo của Phật Tử.
Tin vào Vô Thượng Đại Bồ Đề
Từ đó, Bồ Tát bèn phát tâm
Tin là mẹ của công đức đầu*

Nuôi lớn hầu hết các căn lành
Đẹp bỏ lưới nghi, khô suối ái.
Tin hay hiển lộ hạnh an nhân.
Tin chẳng nhiễm ô tâm thanh tịnh .
Trừ tâm ngã mạn sanh cung kính.
Tin như tay sạch giữ Nhân lành.
Bảy Thánh tài, chẳng gì hơn được.
Tin tạo tất cả niềm hy xả.
Nhờ Tin hoan hỷ vào Phật pháp.
Tin thường sanh ra công đức, trí.
Thông hiểu tất cả lời Phật dạy
Ánh sáng niềm tin thật tuyệt vời
Như gốc phiền não, nước tẩy trừ
Lực Tín kiên cố chẳng thể hoại.
Tín công đức Phật chỉ một thôi
Tín vẫn tương ưng, phi tương ưng
Lìa xa nhiễm trước , trong thoáng dưng
Tín giúp vượt qua bao ma cảnh
Đường đạo trang nghiêm hiện rõ ràng
Tín chẳng hủy hoại giống công đức.
Thường xuyên tăng trưởng mầm Bồ Đề.
Từ Tín mở ra cửa trí tuệ,
Bậc Giác hiện thân khắp mười phương.
Ai thường kính tín ngôi Phật Bảo
Những kẻ không học, thiếu giới...xa
Khi đã cách ly kẻ ấy rồi
Công đức của Phật mãi ngợi ca
Ai thường kính tín ngôi Pháp Bảo,
Được nghe Phật Pháp chẳng chán lìa.
Khi đã nghe Pháp không chán lìa,
Với Pháp, tin hiểu khó nghĩ bàn
Ai thường kính tín ngôi Tăng Bảo.
Trong chúng thanh tịnh, không thối lui
Không thối lui trước chúng thanh tịnh
Lực Tín vững vàng không lay động.
Ai có tín lực không lay động,

Được các căn lành lợi sáng trong
Liên được xa lìa các bạn ác.
Ai đã xa lìa các bạn ác,
Được thiện hữu đem Pháp nhiếp thọ.
Thiện hữu đem Pháp nhiếp thọ rồi,
Thường siêng tu tập những điều lành.
Siêng năng tu tập điều lành rồi,
Tất nhiên thành tựu nhân lực lớn
Tín giải của họ thật tuyệt vời.
Tín giải của họ đã tuyệt vời,
Liên được chư Phật thường hộ niệm.
Đã được chư Phật thường hộ niệm,
Tức liền phát khởi tâm Bồ Đề,
Khi đã phát khởi tâm Bồ Đề,
Nương công đức Phật mà tu tập.
Nương công đức Phật tu tập rồi
Liên được sanh vào nhà Như Lai.
Đã được sanh vào nhà Như Lai,
Không còn : chấp trước, không chấp trước
Vội trước, vô trước giải thoát rồi
Niềm tin thanh tịnh, tâm sâu rộng
Được tin thanh tịnh, tâm sâu rộng,
Đạt đến cao thượng, không gì hơn.
Đạt đến cao thượng, thù thắng rồi,
Ba La Mật diệu vợi thường thực hiện
Ba La Mật diệu vợi thực hiện rồi
Liên được liễu ngộ Pháp Đại Thừa.
Khi đã liễu ngộ Pháp Đại Thừa.
Liên biết như pháp cúng dường Phật.
Nếu biết như pháp cúng dường Phật,
Liên được Niệm Phật tâm chẳng động.
Được Niệm Phật tâm chẳng động rồi,
Thường hay quán Phật chẳng thể bàn.
Thường quán Phật chẳng thể bàn rồi,
Vội Phật vô sanh, vô sở trụ.
Phật vô sanh vô sở trụ rồi,

Tức biết pháp này chẳng thể diệt.

Luận rằng:

Công đức của kẻ sơ phát tín căn đó nhiều vô lượng . Chỉ xin lược mà thôi. Lại nữa, với các đời sống (sinh thân) của những loại hữu tình khác v.v...thật khó tin hiểu Pháp như thế. Ai tâm đã thuần thanh tịnh gieo trồng hạt giống phước đức, thì năng lực niềm tin đó là tư lương để chúng sanh thọ nhận phước báo, an lạc, vi diệu, cao vời, trong mười cõi Phật với thời gian kiếp nhiều như số vi trần. Đối với Pháp như thế mà sanh tin, hiểu. Như Thập Pháp Kinh (Dasadharmasūtra) có kệ rằng:

*Tin là xe tối thắng
Vận chuyển về Chánh giác.
Cho nên các niềm tin
Bậc trí phải thân cận
Ai không có tín căn
Chẳng gặp được Chánh pháp.
Ví như hạt giống lép,
Không sao sanh mầm nụ.*

Lại nữa Kinh Đại Thiện Dụ nói rằng: “*Lúc bấy giờ, Đức Như Lai bảo Ngài A Nan rằng: - Với Pháp Tín, ông liễu tri như thế và nên phụng hành*”.

Luận rằng :

Ai có Tín trong khoảng sát na, sẽ được tín căn kiên cố, liền được tâm Bồ Đề kiên cố, có thể thọ hưởng tất cả phước báu. Như Kinh Sư Tử Vương Sở Vấn (Simha-Pariprccha) nói rằng: “*Lúc bấy giờ Thái Tử Hạ Nu (Simsima Rajakaumarema Phagavan Prstah) bạch Phật rằng:*

- Kính bạch Đức Thế Tôn! Làm sao có thể làm cho chúng sanh ở nơi nơi xú xú thường được vui thích lãnh thọ các pháp?

Phật bảo:

- Muốn giải thoát cho chúng sanh, thường khiêm tốn, cung kính , phát tâm Bồ Đề. Ấy gọi là thường được vui thích lãnh thọ các pháp”.

Lại nữa Kinh Hoa Nghiêm chép rằng: “*Thiện nam tử (Kulaputra) tâm Bồ Đề giống như hạt mầm, có thể sanh tất cả Phật pháp. Tâm Bồ Đề giống như ruộng tốt có thể làm cho chúng sanh trưởng dưỡng trong pháp thanh tịnh. Giống như đại địa, tất cả thế gian nương nhờ trú ở. Tâm Bồ Đề như cha lành dạy dỗ hướng dẫn các Bồ Tát ; Như Tỳ Sa Môn (Vaisravana) có thể xoá hết các bản cùng khổ cực ; Như Ngọc Ma Ni thành tựu các điều lợi lạc. Bồ Đề Tâm giống như Hiền Nhạc (Bhadraghata) làm cho đầy đủ tất cả việc lành khó cầu được vậy; Như cái chày Độc Cổ, có thể phá vỡ tận cùng phiền não oan trái; Giống như chánh pháp có thể đoạn trừ tận những tác ý của tâm; Giống kiếm bén có thể chặt đứt tất cả ngọn ngành phiền não vậy. Bồ Đề tâm giống như búa bén, có thể chặt bỏ tất cả những thân cây khổ não; Giống như bình trượng (cây trượng của lính) có thể đề phòng các nạn dữ ; Giống như cây móc có thể kéo chúng sanh ra khỏi biển khổ luân hồi; Giống như bánh xe gió có thể xua tan những đám mây đen, những sương mù trên cỏ. Bồ Đề tâm giống như Tòng Lâm (Uddana) chứa nhóm tất cả những hạnh nguyện của Bồ Tát; Như Tháp Miếu của Phật , là nơi mà tất cả thế gian Trời, người , Atula v.v... đều tôn kính . Này Thiện nam tử ! Bồ Đề tâm thành tựu vô lượng công đức thù thắng như thế!”*

Luận rằng:

Vì sao lại biết các loài chúng sanh khác cũng phát tâm Bồ Đề? Trên đây chỉ mới trích dẫn những lời Phật thôi, chưa có một Kinh nào minh chứng. Như Duy Ma Cật Sở Thuyết Kinh (Vimalakirti-Nirdesa) chép rằng: “*Thân kiến (cái nhìn về thân này) khởi lên tuy lớn như núi Tu Di , cũng có thể phát khởi tâm đại Bồ Đề sanh trong Phật pháp”*. Như Bảo Hiệp Kinh (Ratnakaranda-Sutra) chép rằng: *Bồ Tát của các loài khác nghĩ như vậy: Phật bảo ngài Văn Thù Sư Lợi rằng giống như trứng chim Ca Lãng Tần Già, dù chưa nở nhưng có thể tạo ra âm thanh vi diệu. Này Văn Thù Sư Lợi! Bồ Tát cũng như thế! Tuy chưa đoạn trừ ngã kiến , ra khỏi ba cõi , khỏi vô minh hoặc, mà có thể nói lên những lời nói vi diệu của chư Phật , nên gọi là âm thanh : không, vô tướng, vô nguyện, giải thoát v.v...”*

Lại nữa Tùy Thuyết Chư Pháp Kinh (Sarvadharmapravṛtti Nirdesa) chép rằng: “*Lúc bấy giờ Bồ Tát Thắng Huệ (Jamati) tại thành*

Địa Kham nhập Niết Bàn, liền được tái sanh ngay trong thành áp ấy. Người ở đó lấy sự tín, giải tánh Không mà đối trị vậy”. Lại nữa Nhập Định Bất Nhập Định Án Kinh (Niyatawara Mudra Sutra) nói rằng: Phật bảo Văn Thù Sư Lợi: Vì sao gọi hành Bồ Tát như xe dê? Như có người muốn qua khỏi các thế giới nhiều như số bụi trần trong năm cõi Phật, người này cỡi xe dê lên đường đi tới. Đi được khá xa, khoảng trăm Do Thiên Na (Do Tuần) gặp một trận cuồng phong. Vì thế mà thôi lui đến tám vạn Do Thiên Na. Sau đó người này ở thế giới đó, lại lên xe dê hỏi rằng cho đến bất khả thuyết, bất khả thuyết kiếp có thể vượt qua được một thế giới chăng?

Văn Thù Sư Lợi đáp rằng:

- Không thể Bạch Thế Tôn!

Phật bảo:

- Nếu bậc Đại Thừa, phát Bồ đề tâm rồi, chẳng nên thọ trì, đọc tụng giáo pháp của Thanh Văn Thừa, ở chung với các bậc Thanh Văn, tu tập Pháp Thanh Văn Thừa, tự trong tâm tâm không giảng dạy Thừa ấy cho người khác, thậm chí đã ngộ giải được trí tuệ rồi, nhưng vì duyên này đối với đạo Vô Thượng, tức liền bị thôi thát. Bồ Tát này, với những gì tâm Bồ Đề đã được, huệ căn, huệ nhãn; những thứ đó đều bị phá hoại. Nay Văn Thù Sư Lợi! Ta nói đây là hành Bồ Tát như xe dê.”

Luận rằng:

Nếu Bồ Tát vui thích Pháp Đại Thừa, tin hiểu và giải rõ về tánh Không, thành tựu viên mãn về Tín, Giải và Hạnh, thì dung lượng lời dạy không ra ngoài các việc của Bồ Tát thấy như thế về Tín, Giải và Hạnh. Như Kinh Bảo Vân (Ratnamegha) chép rằng:

Nhờ tích chứa vô số pháp môn tổng trì Tam Ma Địa: thần thông, du hí, giải thoát, trí tuệ và minh giải, nên được bình đẳng vượt lên tất cả quả báo ác hạnh phàm phu ngu muội, thậm chí những quả báo không có lợi dưỡng sau này. Ở trong cõi đời khoảng thời gian một Câu Ti Kiếp (một trăm vạn) được thọ dụng những đồ vật mà tâm chẳng hề tham đắm, chẳng phân biệt, như hoa sen hiển lộ đầy đủ vẻ trang nghiêm. Lại ở trong khoảng thời gian vô lượng trăm ngàn Câu Ti Na Du Đa kiếp, được an trú nơi Pháp Đại Thừa, thấu đạt thắng nghĩa, không bị tổn giảm tư lương Phước Đức và Trí Tuệ. Với họ, xa lìa những gì tu tập trăm ngàn tương ưng trước, để Pháp Môn Công Hạnh tất cả đều được đầy đủ”.

Luận rằng:

Thế nào là liễu nghĩa? Nghĩa là bậc sơ phát tâm Bồ Đề nói trụ ở địa này. Kẻ bất liễu nghĩa chỉ có chút phần tiêu tướng (tướng rõ ràng), không còn nghi hoặc. Lời Phật dạy sánh theo Pháp môn: Tín, Giải và Hạnh, tạo thành ngôn ngữ và ý nghĩa. Trong đây, chỉ sơ lược về Tín, Giải và Hạnh vậy. Lại nữa Như Lai Bí Mật Kinh (Taghagaguhya-Sutra) chép rằng: Lúc bấy giờ vua A Xà Thế bạch Phật rằng:

-Kính bạch Đức Thế Tôn! Làm sao để phát Tâm Bồ Đề?

Phật bảo:

-Này Đại Vương! Chẳng thối tâm tâm.

Vua hỏi:

-Bạch Thế Tôn! Làm sao chẳng thối tâm tâm?

Phật bảo:

-Này Đại Vương! Thường phát khởi Đại Bi.

Vua hỏi:

-Bạch Thế Tôn! Làm sao phát khởi Đại Bi?

Phật bảo:

-Này Đại Vương! Đối với chúng sanh chẳng khởi tâm xa lìa.

Vua hỏi:

-Bạch Thế Tôn! Làm sao với chúng sanh chẳng khởi tâm xa lìa?

Phật bảo:

-Này Đại Vương! Nếu chẳng đăm trước, có niềm vui sẽ chẳng xa lìa.

Luận rằng:

Ở đây, Bồ Đề Tâm là khuyến phát Đại Bi; nghĩa là hoan hỷ, kính ái vậy. Nếu chẳng tương ưng với giáo pháp của Như Lai là kẻ chưa được xuất ly. Ai với tâm Bồ Đề thấy (chúng sanh) mà còn quở chán, người ấy chưa gọi là phát tâm Bồ Đề. Như Kinh Thập Pháp nói:

Này Thiện nam tử! Khi các vị Bồ Tát tự thể tánh phát tâm Bồ Đề liền được gặp Như Lai và các bậc Thanh Văn giáo hóa, khuyến phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề Tâm (Tâm Vô Thượng

Chánh Đăng Chánh Giác). Đây gọi là tướng trạng hỷ lạc đầu tiên về phát tâm Bồ Đề.

Nếu nghe Bồ Đề và phát tâm Bồ Đề, liền phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Đây gọi là tướng trạng thứ hai về hỷ lạc phát tâm Bồ Đề.

Nếu chẳng quay lại, chẳng cầu thấy được tâm đại bi của hai loại trụ này, tiếp tục phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Đây gọi là tướng trạng thứ ba về hỷ lạc phát tâm Bồ Đề.

Nếu thấy các tướng của Như Lai viên mãn, liền sanh ái kính. Đây gọi là tướng trạng thứ tư phát tâm Bồ Đề.

Luận rằng:

Bồ Đề Tâm có hai loại. Một là nguyện Bồ Đề Tâm, hai là trụ Bồ Đề Tâm. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: *Này Thiện nam tử! có chúng sanh ở trong cõi chúng sanh mà nguyện chứng đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm khó được; Có chúng sanh trụ vào A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm khó được.*

Luận rằng:

Một là nguyện chúng quả Phật; Hai là nguyện trụ tái sanh. Lại như Kinh Thủ Lăng Nghiêm (Surangama-Sutra) chép rằng: *Nhân vì một Đức Phật nào đó mà phát tâm Bồ Đề; sao lại chỉ cần làm chút ít thiện căn?* Như Kinh Hiền Kiếp (Bhadrakalpika-Sutra) chép rằng: *Xưa kia khi Đức Tinh Túc Vương Như Lai đối trước Thí Âm Như Lai, phát tâm Bồ Đề lần đầu, chỉ là một người chần cừ dưng lá Đam Bộ La cúng dường Phật. Đức Vô Lượng Danh Xưng Như Lai đối trước Điện Quang Như Lai, phát tâm Bồ Đề lần đầu, chỉ là người dệt áo dưng lên cúng dường Phật tâm y tốt đẹp. Diệm Quang Như Lai đối trước Vô Lượng Quang Như Lai, phát tâm Bồ Đề lần đầu, trong thành áp nọ, chỉ lấy cỏ cây làm đuốc cúng dường Phật. Năng Thắng Như Lai đối với Kiên Cố Bộ Như Lai, phát tâm Bồ Đề lần đầu, lúc ấy chỉ dưng cây tăm xỉa răng lên cúng dường Phật. Công Đức tràng Như Lai đối trước Diệu Cát Tường Xưng Như Lai, phát tâm Bồ Đề lần đầu, lúc ấy chỉ là người thầy thuốc dưng cúng cho Phật một trái Ambala (trái xoài).*

Luận rằng:

Người sơ phát tâm Bồ Đề chưa thể viên mãn muôn hạnh, nhưng điều nhàm chán và yếm ly này có thể (giúp họ) ra khỏi luân hồi, đạt được vô lượng an lạc. Như Kinh Từ Thị Giải Thoát (Maitreyavimoksa) chép rằng: *Này Thiện nam tử! Giống như có một vật báu gọi là Kim Cang có thể đoạn trừ bản cùng khổ sở. Này Thiện nam tử! cũng giống như thế, tâm và trí nhưt thiết có thể đoạn trừ tất cả sự khổ não trong luân hồi.*

Luận rằng:

Điều cần nên biết là chỉ có phát tâm Bồ Đề mới gần quả vị giải thoát. Như Thiện Giác Kinh (Rayavavadaka-Sutra) chép rằng: Phật bảo:

-Này Đại Vương! Nếu Ngài cho rằng trong vô số việc làm, không sao làm hết . Còn ta trong tất cả pháp hành, ta thực hành tất cả. Trong mọi nơi, mang lợi đến tất cả mọi nơi . Nghĩa là học bố thí Ba La Mật Đa v.v... cho đến học Bát Nhã Ba La Mật Đa. Này Đại Vương! Cho nên , đối với Tam Miệu Tam Bồ Đề, Ngài cũng phải như thế; ưa thích phát khởi niềm tin thanh tịnh, tâm nguyện tạo lợi lạc cho người, trong từng cử chỉ đi, đứng, nằm , ngồi. Lúc thức giấc, khi uống ăn, luôn luôn tùy niệm mà phát tâm một cách trọn vẹn ; quán tưởng chư Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác cùng các loài chúng sanh khác v.v... tích chứa bao nhiêu căn lành trong quá khứ, hiện tại và tương lai...vừa đầy lượng vừa hoà hợp, cho nên được tùy hỷ, mà sự tùy hỷ đó hiện tiền nơi mình; cho đến khắp cả hư không giới, khắp cả cảnh giới Niết bàn cũng tràn đầy tùy hỷ. Ngay cả, tùy hỷ khắp tất cả chư Phật, chư Bồ Tát, Duyên Giác, Chúng Thanh Văn để cúng dường . Rồi bình đẳng hồi hướng đến khắp tất cả chúng sanh, cho đến làm cho tất cả chúng sanh được tất cả trí biết. Tất cả đều viên mãn trong thiện pháp của chư Phật. Mỗi ngày ba lần hướng đến A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Này Đại Vương! Với chánh hạnh như thế. Ngài được gọi là Vua; chẳng tốn giảm đến ngôi vị cao quý, mà cầu hạnh Bồ Đề cũng được viên mãn. Nên gọi là phước báo.

Này Đại Vương! khi ấy, Ngài nhờ phát tâm Bồ Đề, nhờ căn lành nghiệp báo qua vô lượng vô số kiếp, có thể sanh lên cõi trời. Ở cõi Trời, có thể làm Thiên Đế Thích . Hoặc sanh về cõi người, có thể làm vua trong đời.

Này Đại Vương! Chỉ một lần phát tâm Bồ Đề năng lực thiện căn còn không có biệt nghiệp, biết đã viên mãn hoặc chưa viên mãn .

Phật bảo: Đặc biệt, này Đại Vương! chỉ một lần phát tâm Bồ Đề mà cứu độ tất cả chúng sanh, giải thoát tất cả chúng sanh, mang lại sự an ổn cho tất cả chúng sanh. Cuối cùng, khiến tất cả chúng sanh đến Niết Bàn vậy, được vô lượng vô số căn lành.

Này Đại Vương! Sao nói là trong nhiều loại công việc có thể làm hết mọi việc ư!!?

Luận rằng:

Hành tướng của Tâm Bồ Đề, như các Kinh đã nói, là sự duyên khởi trong quá khứ và trong hiện tại. Như thế, với Bồ Đề tâm nguyện, phải nhập vào địa nào Bồ Tát mới đắc giới?

Hữu bộ cho rằng: Địa thứ chín. Hư Không Tạng Kinh (Akasagarbha-Sutra) chép rằng: “*Tiếng khen và lợi dưỡng là gốc tội lỗi*”. Thập Địa Kinh (Dasabhumika-Sutra) chép: “*Gọi là chúng Sơ Địa thì đối với lợi dưỡng không còn chút gì luyến lưu và mong đợi. Nếu có chúng sanh nào đến gặp mình còn phai cấp thí cho gấp bội nữa*”.

Luận rằng:

Như đã nói, Bồ Tát vào địa vị Cực Hỷ (Hoan Hỷ Địa) chứng được Thiện Trụ và Bất Động tương ưng, cũng nói rằng, sanh vào nhà Như Lai, nhất định hướng đến thành tựu Chánh Đẳng Chánh Giác. Hư Không Tạng Kinh nói: “*Thanh Văn Thừa thì không được như vậy, chỉ trừ khi vui thích Đại Thừa thôi*”. Như Kinh Tối Thượng Thọ Sở Vấn (Ugrapariprccha) chép rằng: *Những Xan Tật (Phiền Nã) gọi đúng là Phược (sự trói buộc), khi tu học rốt ráo biểu hiện đã thoát khỏi “Phược” này gọi là đạt đến Cực Hỷ Địa, lìa xa ngã tướng; Ngã chấp chẳng sanh khởi nữa.*

Thế nhưng, tại sao lại chấp vào tất cả các pháp tu, như cho rằng bố thí đầu, mắt v.v...?

Luận rằng:

Cứ như thế lần lượt kinh qua, khi vào Địa này rồi thì xả bỏ những biến hiện của học xứ trước. Bồ Tát Biến Luận trong khi đề tương ứng với sự tu tập; hoặc dừng lại không cho thối lui, hoặc không nhảy vượt. Các vị Bồ Tát chưa có thể hành trì phải biết có hai loại này biến hiện khắp học xứ. Một loại học xứ, mà không thể học cho đến thành tựu tác dụng. Dù chẳng thể tu tập nhưng cũng không tội lỗi.

Kinh Vô Tận Ý (Akasayamati-Sutra) chép rằng: *Khi thực hành sự bố thí rộng rãi, dẫu xa rời giới luật thanh tịnh mà chẳng phải là lười biếng. Bởi vì trước đây chưa từng nói, cũng chẳng tích tập việc làm, như dùng thế lực để thân cận vậy. Lại nữa Kinh Thập Địa nói rằng: Phạm giới tà hạnh mà bị ô nhiễm hoặc nặng hoặc nhẹ bởi do niềm vui của tâm Bồ Đề vậy. Nay Xá Lợi Tử! Bồ Tát nào giảng về Biệt Giải Thoát Giới (Buddhisattva-Prapimoksa), thành tựu bốn pháp, Bồ Tát ấy đối với sự tu tập chứng được chơn thật ngữ. Nay Xá Lợi Tử! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nào phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vui thích, tinh tấn, cần cầu pháp lành, tham dự nghị luận, kiên trì cấm giới, tu tập vẹn toàn pháp học của Bồ Tát. Nhờ được gần gũi với người ấy, có học giới như thế, nếu lỡ trái phạm, qua mặt, hủy báng Thầy Tổ, liền bị xấu hổ, tâm sợ hãi khởi lên, tức thì được tôn trọng thương mến và thành tựu trọn vẹn giới pháp bình đẳng như thế.*

Đối với giới học của chư Phật, Như Lai hiện tiền, Bồ Tát này ưa thích Chánh Hạnh, nên được truyền trao riêng biệt. Người ấy chẳng cần thiện hữu tri thức giúp, có thể hướng trước chư Phật, Bồ Tát trong hiện tại, chuyên tâm niệm Phật hay quán tưởng, tùy theo năng lực mà xưng dương tán thán và kiên trì giữ gìn giới hạnh. Không bao giờ khinh chê tất cả chư Phật, Bồ Tát, các cõi trời, người v.v... trong mười phương.”

Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ (Saddharma-Smartyupasthana-Sutra) chép rằng: “Do kém suy tư, lại hay ganh tị, không biết bố thí, chết đọa vào loài ngựa quý. Dạy người nhưng chính mình không chịu bố thí, chết đọa vào địa ngục; hưởng gì vì viên mãn vô thượng Bồ Đề mà hứa bố thí, khỏi phải đọa vào bất cứ loài nào trên thế gian”.

Như Kinh Pháp Tập (Dharmasangiti-Sutra) chép rằng: *Này Thiện nam tử! Bồ Tát phải nên trọng Thật Đế. Vì sao vậy? Này Thiện nam tử! Vì tích tập Thật Đế gọi là Pháp Tập. Thiện nam tử! Vì sao gọi là Thật Đế? Vì Bồ Tát phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, có thể xả bỏ thân mệnh nhưng chẳng bỏ tâm này và chẳng lìa bỏ chúng sanh; nên gọi là Bồ Tát Thật Đế. Nếu Bồ Tát nào phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề rồi, sau đó xả bỏ tâm này, lìa bỏ chúng sanh, thì Bồ Tát ấy đại vọng ngữ. Xấu hổ vô cùng!*

Lại nữa trong Kinh Hải Ý Bồ Tát Sở Vấn Tịnh Ân Pháp Môn (Sagaramati-Sutra) Phật dạy rằng: *Này Hải Ý! Như trong thế gian, Vua, và các quan muốn đến tất cả các thành ấp nơi nhân dân tụ tập để bố thí hoặc thức uống, hoặc đồ ăn, nhưng không bày ra. Họ đã dối gạt dân chúng ở đó chẳng cho một chút thức ăn uống nào cả! Những lời phẫn nộ mắng chửi to tiếng từ đó phát ra. Phật bảo: Này Hải Ý! Bồ Tát ấy cũng giống như thế. Với chúng sanh chưa độ thì phải độ, mà chẳng dùng lời nói mãi tiếp lợi lạc để khiến họ tu; thậm chí chẳng khuyến tu đa văn, tích chứa các pháp Thiện Bồ Đề Phần. Bồ Tát ấy là kẻ đang dối gạt trời, người, như Phật đã nói ở trước, bị chư Thánh quở trách. Với bậc Trí, Đại Trí, Vô Thượng Thắng Trí, thật khó có thể đạt được. Cho nên cần phải biết. Bồ Tát chẳng nên dùng lời dối trá với tất cả trời, người trong thế gian. Lại nữa Hải Ý! Hoặc có người đến khuyến thỉnh thuyết pháp, giải nghĩa để được lợi ích, thì Bồ Tát ấy tùy thuận mà thuyết, thậm chí xả bỏ thân này tu Bồ Tát hạnh, chẳng dối gạt tất cả chúng sanh. Phải nên biết như vậy!*

Đại Thừa Tập Bồ Tát Học Luận hết quyển thứ nhất.